

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC4+RCDM+RC6	7:25	7+7+8	0+0+0		4+5+13	0+0+0	
2		TD1+RP1	7:25	12+10	0+0		11+11	0+0	
3		RP3+RC5	7:25	13+9	0+0		11+11	0+0	
4		TD1+CLO+AMD	7:25	14+8+0	0+0+0		9+6+7	0+0+0	
5		RP3	9:25	22	0		22	0	
6		VSP02	9:25	22	0		22	0	
7		CLO+RC8	9:25	18+4	0+0		17+5	0+0	
8		MRM+RC4+RP1	9:25	6+3+13	0+0+0		0+5+17	0+0+0	chuyen 4 rc4-rp1
9		VSP02+RP3	11:25	11+10	0+0		11+8	0+0	

TTBDSX

1/4 nguoi đi rc4 chuyển sang RP1 chuyển sau.



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2024	TO: RC4 - RCDM - RC6	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HÙNG - MTHAO - Thành	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAMBUROV EGOR	RC4	09	1	4		100	KH-THAC	Russian
2	KRAPIVKA VADIM	RC4	08	1	2		90	KH-THAC	Russian
3	MIRSAYAPOV RUSLAN	RC4	100	1	5		105	KH-THAC	Russian
4	KOLOSOV DMITRII	RC4	98	1	5		74	KH-THAC	Russian
5	TRẦN TRỌNG HIẾU	RC4	07	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	99	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN TUNG	RC4	11	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN PHI KHAI HOAN	RCDM	41-43	3	16	50	70	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ MINH HIỀN	RCDM	78	1	13		84	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH VĂN CÔNG	RCDM	79	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN KIEM BAC	RCDM	45-46	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NGỌC DỪNG	RCDM	38	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ANH TUAN	RCDM	44	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HUAN	RCDM	39-40	2	6		71	PSV	Vietnamese
15	ĐO VĂN TUNG	RC6	80	1	4	35	65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN NGUYỄN XUÂN AN	RC6	82-83	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	35	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VAN TRUONG	RC6	40	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THANH CÔNG	RC6	79	1	12		58	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯƠNG THẾ HAI	RC6	81	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC HUY	RC6	37	1	10	15	68	T-TIN	Vietnamese
22	KIỀU MINH QUYẾT	RC6	39	1	3		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	7	7	35	566	0	4		
2	RCDM	7	11	77	510	50	5		
3	RC6	8	9	59	540	50	13		
TOTAL		22	27	171	1.616	100	22		
WEIGHT KG				171	1.616	100			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2024	TO: TD1 - RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:20
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - NPhú - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN NAM	TD1	36	1	7		86	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HIEU	TD1	28-29	2	11		86	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN VIET HUNG	TD1	40	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM CONG TIEN	TD1	32	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
5	MAI XUAN TUNG	TD1	39	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
6	QUACH VAN THANG	TD1	37	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HUU NAM	TD1	41	1	8		89	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN DUC CUONG	TD1	30-31	2	12		68	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM MINH THANG	TD1	33	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
10	VUONG VAN THONG	TD1	35	1	2		69	YTE	Vietnamese
11	HOANG VAN MINH	TD1	38	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
12	VU MANH HAI	TD1	34	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
13	TSOPANOV R	RP1	95	1	10		99	KH-THAC	Russian
14	KOROGHLUEV G	RP1	96	1	6		78	KH-THAC	Russian
15	TRAN QUANG TUNG	RP1				6	76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VIET THANH	RP1					74	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN CONG TOAN	RP1	97	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
18	TAO QUANG NGAN	RP1	99,700	2	9		56	KH-THAC	Vietnamese
19	LE MANH HUNG	RP1	98	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN MINH HIEU	RP1					58	KH-THAC	Vietnamese
21	PHUONG VAN MINH	RP1	93-94	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TAM	RP1	91	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

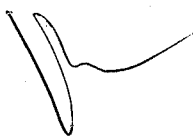
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	12	14	72	915	0	11		
2	RP1	10	9	51	761	6	11		
TOTAL		22	23	123	1.676	6	22		
WEIGHT KG				123	1.676	6			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: RP3 - RC5	CREW: VTHU - LHải - dũng	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EVGENII MALYGIN	RP3	76-77	2	22	35	87	NOVOME	Russian
2	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	86	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
3	VOEVODCHENKOV	RP3	83	1	4		100	KH-THAC	Russian
4	PHẠM HỮU THĂNG	RP3	20-23	4	18	12	75	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI NGOC THIET	RP3	79	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN THANH	RP3	78	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI ANH SƠN	RP3	80	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐO DUY TIEN	RP3	26	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	25	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRƯỜNG VĂN THƯƠNG	RP3	24	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	84-85	2	11		72	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC BẢO BÌNH	RP3	87	1	3		60	KHI	Vietnamese
13	LÊ CHÍ QUÝ	RP3	81-82	2	12		98	KHI	Vietnamese
14	KURPASOV	RC5	16	1	13	70	75	KH-THAC	Russian
15	TRỊNH VĂN TIEN	RC5	21	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG MINH KHANH	RC5	23	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN TRUNG	RC5	18-19	2	10		84	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HOANG TUNG	RC5	22	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	RC5	14-15	2	16		70	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ HAI THĂNG	RC5	17	1	12		75	DVL	Vietnamese
21	BUI TRUNG SƠN	RC5	20	1	7		72	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN THẠCH	RC5	13	1	6		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	13	19	108	996	47	11		
2	RC5	9	11	83	643	70	11		
TOTAL		22	30	191	1.639	117	22		
WEIGHT KG				191	1.639	117			

GRAND TOAL: 1.947 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:25
FLIGHT: 4	TO: TD1 - CLO - AMD	CREW: VThắng - N.Cương - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG SÁNG	TD1	99	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ THÈ CÔNG	TD1	91	1	13		74	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC THẮNG	TD1	700	1	14		61	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẶNG CÔNG DANH	TD1	87	1	11	40	78	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC TÙNG	TD1	82	1	6		72	CODIEN	Vietnamese
6	TRẦN VIỆT HỒ	TD1	92	1	17		75	DVL	Vietnamese
7	VŨ VĂN NAM	TD1	98	1	15		68	DVL	Vietnamese
8	BÀN PHÚC LONG	TD1	93	1	12		72	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN HỒ QUANG	TD1	94	1	11		58	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM QUANG TRƯỜNG	TD1	89	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN TẤT LỘC	TD1	95	1	5		60	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN TIỀN SỸ	TD1	97	1	3		54	PSV	Vietnamese
13	PHẠM THÈ THUẬN	TD1	88	1	4		71	PSV	Vietnamese
14	ĐÀU VIỆT BẮC	TD1	96	1	5		78	PSV	Vietnamese
15	VŨ HIỀN GIANG	CLO	72	1	7	87	70	SEAMAP	Vietnamese
16	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	64	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
17	SUKHOMLIN IGOR	CLO	62	1	7		125	KHOAN	Russian
18	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	61	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	63	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	60	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN ĐÌNH HẢI	CLO	59	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
22	VŨ MINH TÙNG	CLO	65	1	8		73	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

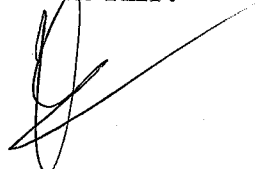
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	14	14	132	956	40	9		
2	CLO	8	8	46	620	87	6		
3	AMD	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	22	178	1.576	127	22		
WEIGHT KG				178	1.576	127			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

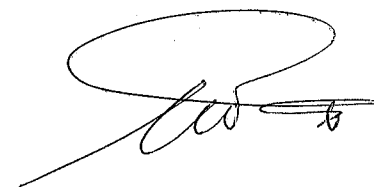
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: RP3	CREW: LTuấn - N.ANH - Toan	ETA: 11:30
xanh-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THỊNH	RP3	22	1	8		80	KHI	Vietnamese
2	TRẦN VĂN MINH	RP3	17	1	8		101	YTE	Vietnamese
3	VŨ THANH LONG	RP3	02	1	7	100	93	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN ANH	RP3	07	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ THĂNG	RP3	20	1	9		92	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	01	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG XUÂN HUNG	RP3					69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TẤT THÀNH	RP3	21	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN THANH CÔNG	RP3	04	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TIỀN	RP3	18	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TÂN	RP3	09	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ANH TRÍ	RP3	11	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
13	HUỖNH CHÁNH PHÁT	RP3	12	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG THANH TRUNG	RP3	10	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN XUÂN CUÔNG	RP3	08	1	13		72	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH KHA	RP3	13-14	2	14		65	CODIEN	Vietnamese
17	VŨ TIỀN PHỤNG	RP3	05-06	2	18		72	CODIEN	Vietnamese
18	PHAN MẠNH HUNG	RP3	23-24	2	15	15	70	CODIEN	Vietnamese
19	TRẦN THẾ ĐĂNG	RP3	26-27	2	18		83	NHATHAU	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU THUYẾT	RP3	15-16	2	12		69	NHATHAU	Vietnamese
21	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	03	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ ĐỨC HUY	RP3	19	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	26	181	1.629	115	22		
TOTAL		22	26	181	1.629	115	22		
WEIGHT KG				181	1.629	115			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:00
FLIGHT: 6	TO: VSP02	CREW: CHIÊN - Sơn - NNam	ETA: 12:45
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG LÂM	VSP02	94-95	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
2	EDUARD YANDYAN	VSP02	89	1	3		104	KH-THAC	Russian
3	V.GURIN	VSP02	97-98	2	20		86	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	07	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02	01	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	06	1	5	75	67	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH THẾ ANH	VSP02					74	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	88	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH TRƯƠNG PHI	VSP02	800	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	08	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH LÊ	VSP02	04	1	5		67	YTE	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC TÀI	VSP02	03	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP02	99	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	09	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ XUÂN HÙNG	VSP02	10	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG NGỌC ĐÔNG	VSP02	90	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	05	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN LÊ MINH TUÂN	VSP02	93	1	12		99	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	96	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN MINH TUÂN THỊNH	VSP02	91	1	4		100	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	02	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	92	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	23	135	1.652	75	22		
TOTAL		22	23	135	1.652	75	22		
WEIGHT KG				135	1.652	75			

GRAND TOAL: 1.862 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 7	TO: CLO - RC8	CREW: VTHU - L Hải - dũng	ETA: 11:45
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HẢI ĐĂNG	CLO	23	1	10	52	69	SEAMAP	Vietnamese
2	PHAN CÔNG PHU	CLO	18	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN KIM HÙNG	CLO	20	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN BUI QUANG	CLO	21	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM TẤT LỘC	CLO	31-32	2	9		70	KHOAN	Vietnamese
6	TRANG NGỌC HÙNG	CLO	14	1	11		68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HẢI LAM	CLO	16-17	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU LUÂN	CLO	15	1	11		69	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM THANH TÙNG	CLO	13	1	20		100	KHOAN	Vietnamese
10	MAI TUÂN KIẾT	CLO	26	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN TRÍ	CLO	28	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN MẠNH	CLO	29	1	13		60	KHOAN	Vietnamese
13	VU VĂN THÂM	CLO	27	1	3		57	PSV	Vietnamese
14	HOANG HỮU THỌ	CLO	25	1	3		72	PSV	Vietnamese
15	LE MINH MINH	CLO	19	1	4		70	PSV	Vietnamese
16	LAI ĐÌNH HAI	CLO	22	1	5		81	PSV	Vietnamese
17	LÊ VĂN HÙNG	CLO	30	1	3		61	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CUÔNG	CLO	24	1	5		57	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TÂN PHONG	RC8	75	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH VĂN THUẬN	RC8	71-72	2	11		66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH NAM	RC8	73	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TO CONG TANH	RC8	74	1	3		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	18	20	148	1.265	52	17		
2	RC8	4	5	26	266	0	5		
TOTAL		22	25	174	1.531	52	22		
WEIGHT KG				174	1.531	52			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2024	TO: MRM - RC4 - RP1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Thành	ETA: 11:40
CAN-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE DAC TRIEM	MRM	54-55	2	15	30	75	PVD-BH	Vietnamese
2	LE VAN BIEN	MRM	43,56	2	13	10	65	PVD-BH	Vietnamese
3	DO VAN TRUC	MRM	50-51	2	15		62	PVD-BH	Vietnamese
4	BUI VAN QUAN	MRM	52-53	2	10		75	PVD-BH	Vietnamese
5	BUI XUAN THIEM	MRM	11	1	14		78	PVD-BH	Vietnamese
6	NGUYEN CUU VINH	MRM	12-13	2	15		54	PVD-BH	Vietnamese
7	ĐẶNG MINH DUNG	RC4	85	1	5	25	77	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HAI ANH	RC4	11	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
9	MAI VAN TUONG	RC4	10	1	3		66	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN BACH HA	RP1	72	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
11	LY XUAN TRUNG	RP1	85-86	2	13		66	YTE	Vietnamese
12	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	87	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH VAN MANH	RP1	79	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG DINH BA	RP1	88	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THUY	RP1	89-90	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN LOI	RP1	71	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VAN SUU	RP1					77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN BA QUY	RP1	80	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	81-82	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ANH QUANG	RP1	77-78	2	19		78	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN THUA THAI	RP1	76	1	8	42	63	CODIEN	Vietnamese
22	TÔ HỮU THĂNG	RP1	83-84	2	13		84	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	6	11	82	409	40	0		CHUYEN 4 PAX RC4-RP1
2	RC4	3	3	18	216	25	5+4		
3	RP1	13	17	106	935	42	17		
TOTAL		22	31	206	1.560	107	22		
WEIGHT KG				206	1.560	107			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:55
FLIGHT: 9	TO: VSP02 - RP3	CREW: LTuấn - N.ANH - Toan	ETA: 13:45
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG HÙNG	VSP02	18	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	17	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	22	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG MINH	VSP02	25	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	23-24	2	13		59	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	19	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN GIA LONG	VSP02					78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ CÔNG HUY	VSP02	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	VSP02	21	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	VSP02	26-27	2	12		74	ANTOAN	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC CHI	VSP02	20	1	5		60	PSV	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC OANH	RP3					68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TỬ HAI	RP3					67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	13	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN HIẾN	RP3	12	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	17	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THẾ PHONG	RP3	21	1	6	30	61	KH-THAC	Vietnamese
18	NIKITIN NIKOLAI	RP3	16	1	8	25	92	ANTOAN	Russian
19	TRẦN VĂN TIỀN	RP3	14-15	2	6		62	PSV	Vietnamese
20	BUI VĂN TUẤN	RP3	18-19	2	8	70	72	PVGAS	Vietnamese
21	DOÀN XUÂN CHIẾN	RP3	20	1	5		68	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	11	12	72	784	0	11		
2	RP3	10	10	50	679	125	9		
TOTAL		21	22	122	1.463	125	20		
WEIGHT KG				122	1.463	125			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN